TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2021
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị L

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu H và ông Nguyễn Văn H

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị H - Thư ký TAND huyện QV

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Ph – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, tỉnh BN mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị L, sinh năm 1992 (Có mặt)

SQ: Xã Tân Lập, huyện HL, tỉnh LS

HKTT: Thôn T, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

STQ: Thôn T, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn C được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 04/4/2015. Trước khi cưới, anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã ĐV cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 vợ chồng chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và do anh C có người phụ nữ khác và có con riêng. Đến tháng 6/2020, anh C bị tại nạn nên phải điều trị thời gian dài, chị vẫn chăm sóc anh C nhưng gia đình anh C luôn nghi ngờ chị và yêu cầu chị đi làm các xét nghiệm. Nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà đẻ ở từ cuối năm 2020. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện QV giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có sinh được 01 con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 16/3/2018. Sau khi ly thân, chị đã đưa con về nhà đẻ sinh sống. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh C vì lý do đi lại khó khăn nên không đến Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh C đã có lời khai với nội dung:

Anh kết hôn với chị Nông Thị L vào ngày 20/3/2015 trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã ĐV cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6/2020, anh bị tai nạn giao thông và phải đi viện điều trị một thời gian dài. Sức khỏe của anh hiện tại dần ổn định nhưng vẫn cần người chăm sóc. Tuy nhiên, trong thời gian anh điều trị chị L ít khi chăm sóc, quan tâm, thậm chí còn xa lánh anh. Từ ngày 26/12/2020, chị L đã đưa con về nhà đẻ sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để đoàn tụ. Nay chị L làm đơn ly hôn, bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 16/3/2018. Nếu buộc ly hôn thì nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Hiện tại anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

Bà Đinh Thị Mây là mẹ đẻ của anh C cho biết: Tháng 3/2015, gia đình bà có tổ chức lễ cưới cho anh C kết hôn với chị L. Sau khi kết hôn thì C và L vào miền N làm ăn và vợ chồng bà đã hỗ trợ vốn làm ăn cho vợ chồng anh C, chị L. Tuy nhiên, do làm ăn không gặp nên hai vợ chồng đã bị thất thoát vốn. Đến năm 2019, hai vợ chồng anh C về bắc sinh sống cùng với ông bà. Tháng 6/2020, anh C bị tai nạn giao thông và phải đi viện điều trị một thời gian dài. Đến nay sức khỏe của C vẫn yếu, đi lại khó khăn và cần sự trợ giúp của gia đình. Trong thời gian C bị bệnh, chị L ít quan tâm, chia sẻ và lấy nhiều lý do để tránh chăm sóc cho anh C. Từ ngày 26/12/2020, chị L đã về nhà đẻ sinh sống và không còn chung sống cùng gia đình bà. Mâu thuẫn giữa anh C và chị L bà không nắm được do vợ chồng anh C mấy năm đầu không chung sống cùng bà.

Nay chị L làm đơn ly hôn, bà mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ và nuôi dậy cháu nội bà. Nếu buộc ly hôn thì bà muốn Tòa án giải quyết giao cháu Hải N cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản, công nợ, công sức: Vợ chồng tự giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt. Tuy nhiên, bản tự khai ngày 07/4/2021 anh

C có đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay chị Nông Thị L vẫn giữ nguyên đề nghị xin được ly hôn với anh Phạm Văn C và được nuôi dưỡng con chung.

Đại diện VKSND huyện QV tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và L tục.

Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Con chung: Giao con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 16/3/2018 cho chị Nông Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh C được đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn C đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh C đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nông Thị L và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã ĐV cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2015, việc kết hôn đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng nghi ngờ và không có lòng tin với nhau. Tháng 6/2020, anh C bị tai nạn và phải điều trị một thời gian dài. Do tình cảm có sự

rạn nứt nên không còn sự quan tâm, chia sẻ dành cho nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L trình bày trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do là anh C ngoại tình và có con riêng. Chị đã bỏ qua để vợ chồng cùng nhau chung sống nuôi dậy con nhưng từ khi anh C bị tai nạn thì bản thân anh C và gia đình luôn nghi ngờ chị có quan hệ với người khác và đã yêu cầu chị đi xét nghiệm HIV. Ngoài ra, mỗi lần đi làm về anh C hay nói chị "Hôm nay đi được bao nhiêu khách" và chửi chị là con đĩ. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau làm cho cuộc sống hôn nhân ngột ngạt và bế tắc.

Tại phiên tòa bà Mây trình bày, gia đình có sự nghi ngờ chị L và có đưa chị L đi kiểm tra, mục đích là để bảo bảo cho sức khỏe của chị L. Bà Mây cũng xác định hiện anh C và chị L đã sống ly thân và không còn qua lại về mặt tình cảm với nhau. Vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thị L và anh Phạm Văn C là có thật trên thực tế, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có sinh được 01 con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 16/3/2018. Hiện tại con chung đang sinh sống cùng chị Nông Thị L. Ly hôn, cả anh C và chị L đều có nguyện vọng nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thấy cháu N còn nhỏ, hiện đang sinh sống ổn định với chị L. Bản thân chị L có sức khỏe, công việc và mức lương ổn định để có thể nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho cháu N. Anh C hiện tại đi lại khó khăn, sống phụ thuộc vào bố mẹ nên nhận thấy chị L có đủ điều kiện chăm sóc nên giao cháu N cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết.

- Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nông Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Con chung: Giao con chung là Phạm Hải N, sinh ngày 16/3/2018 cho chị Nông Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Phạm Văn C có quyền đi lại thăm nom con

chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0002596 ngày 10/3/2021 của Chi cục THA dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị L

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BN;
- VKSND huyện QV;
- Chi cục THA huyện QV;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.